TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT
Ngày 11 - 4 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.
Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Hiền.
Bà Vũ Thị Kim Anh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-KDTM ngày 09/11/2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Do có kháng cáo của Công ty TNHH TĐL và người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan đối với bản án sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Theo quyết định đưa vụ án ra xử số: 01/2019/QĐ-PT ngày 31/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (V);
Địa chỉ: số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T; Ông Nguyễn Trung H; Bà Phạm Thu H. (Đều có mặt).

2. Bị đơn: Công Ty TNHH TĐL;
Địa chỉ: đường 200, thôn B, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Giám đốc. (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tống Thị T, sinh năm 1971;
Người được bà Thành ủy quyền: Ông Phạm Như C - sinh năm 1970. (có mặt).
Đều tại địa chỉ: thôn B, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

4. Người kháng cáo:

- Công Ty TNHH TĐL;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tống Thị T.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện phía nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH TĐL do ông Nguyễn Xuân T là đại diện đã ký 06 hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền 29.095.000.000đ (tính trên các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ). Cụ thể từng hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 231015-2355036-01-SME ngày 26/10/2016, Công ty TNHH TĐL vay của V số tiền 4.900.000.000đ. Mục đích vay tiền để thanh toán tiền mua 05 xe Hyundai County Limousine NGT HK29 theo hợp đồng kinh tế số 33 ngày 20/7/2015 giữa Công ty GB Hà Nội với Công ty TNHH TĐL.

2. Hợp đồng tín dụng số 130516-2355036-01-SME ngày 19/05/2016, Công ty TNHH TĐL vay V số tiền 2.730.000.000đ. Mục đích vay tiền để mua 02 xe SAMCO IUU K34 theo hợp đồng kinh tế số 05 ngày 22/4/2016 giữa Công ty TNHH GB HN và Công ty TNHH TĐL.

3. Hợp đồng tín dụng số 071016-2355036-01-SME ngày 07/10/2016, Công ty TNHH TĐL vay V số tiền 5.750.000.000đ. Mục đích vay tiền để nhận chuyển nhượng bất động sản tại đường Đ, MK, thành phố Hưng Yên theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng quyền sở hữu nhà và đất ở số 228 ngày 22/8/2016 giữa ông Bùi Đăng S và bà Lê Thị T với công ty TNHH TĐL.

4. Hợp đồng tín dụng số 161115-2355036-01-SME ngày 17/11/2015, Công ty TNHH TĐL vay V số tiền 4.900.000.000đ. Mục đích vay tiền để thanh toán tiền mua 05 xe Hyundai County Limousine NGT HK29 theo hợp đồng kinh tế số 33 ngày 20/7/2015 giữa Công ty TNHH BG HN và Công ty TNHH TĐL.

5. Hợp đồng tín dụng số 130516-2355036-02-SME ngày 18/5/2016, Công ty TNHH TĐL vay V số tiền 4.095.000.000đ. Mục đích vay để thanh toán tiền mua 03 xe SAMCO ISUZU K34 theo hợp đồng kinh tế số 05 ngày 22/4/2016 giữa Công ty TNHH TĐL với V.

6. Hợp đồng số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016,Công ty TNHH TĐL vay V số tiền 6.720.000.000đ. Mục đích vay mua 04 bất động sản tại đường Đ, MK, TP Hưng Yên theo hợp đồng đặt cọc số 261016 ngày 26/10/2016 giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T với Công ty TNHH TĐL.

Lãi xuất tại các hợp đồng tín dụng là 7,5%/năm, điều chỉnh sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất sẽ được tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất đang áp dụng thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm và được điều chỉnh 03tháng/1lần. Trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hàng tháng, trả nợ lãi hàng tháng định kỳ 01 tháng/lần, ngày trả lãi vào 05 hàng tháng. Để đảm bảo các khoản vay trong 06 hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH TĐL và V còn có các Hợp đồng thế chấp tài sản theo đó Công ty TNHH đã thế chấp quyền sử dụng 05 thửa đất tại đường Đ, P.MK, TP. Hưng Yên, 10 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY và 05 xe ô tô nhãn hiệu SAMCO FELIXSIK thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH TĐL.

Ngoài ra, giữa VPBank và ông Nguyễn Xuân T, bà Tống Thị T còn ký kết các hợp đồng bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty TĐL phát sinh từ các hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH TĐL đã trả cho Ngân hàng một phần tiền gốc, tiền lãi khi đến hạn thanh toán. Từ ngày 05/05/2017, Công ty TNHH TĐL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/5/2017 với mức lãi suất quá hạn như thỏa thuận, tạm tính đến ngày 20/12/2017, Công ty TNHH TĐL còn nợ V số tiền như sau:

Nợ gốc: 24.596.114.556đ

Nợ lãi: 3.043.082.825đ

Phạt chậm trả: 288.296.631đ

Tổng cộng: 27.927.494.012đ.

VPBank đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH TĐL thanh toán toàn bộ khoản tiền 27.927.494.012đ và tiếp tục tính lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TĐL thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Tuyên V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất: Thửa số 667, 666, 664, 663, 324 tờ bản đồ số 07 Đ, MK, TP Hưng Yên và 05 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY có số loại HK29, biển kiểm soát 89B-00753, 89B-00706, 89B-00796, 89B-00721, 89B-00771 và 03 xe ô tô nhãn hiệu SAMCO FELIXSIK, biển kiểm soát: 89B-008.58, 89B-007.29, 89B-008.71 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công Ty TNHH TĐL.

- Tuyên V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Nguyễn Xuân T và bà Tống Thị T có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH TĐL tại V.

Quá trình thu hồi nợ V đã thu giữ và tiến hành bán đấu giá thành công một số tài sản đảm bảo khoản vay của Công ty TĐL gồm: 05 xe ô tô COUNTY số loại NGT và 05 xe ô tô SAMCO với tổng số tiền thu được là: 7.636.637.000đ. V đã đối trừ vào toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH TĐL tại V.

Tại phiên tòa đại diện V rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH TĐL thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm:

Tiền gốc: 17.911.589.312đ

Tiền lãi: 4.842.155.925đ

Phạt chậm trả: 748.652.340đ

Tổng: 23.502.397.577đ

- Tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TĐL thực tế thanh toán hết nợ cho V.

- Tuyên V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất: Thửa số 667, 666, 664, 663, 324 tờ bản đồ số 07, địa chỉ: đường Đ, P.MK, TP Hưng Yên và 05 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY số loại HK29B, BKS: 89B-007.53, 89B-007.06, 89B-007.96, 89B-007.21, 89B-007.71 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH TĐL.

- Tuyên trong bản án về việc V có quyền yêu cầu bên bảo lãnh là ông Nguyễn Xuân T và bà Tống Thị T có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH TĐL tại V.

Lời khai ông Nguyễn Xuân Ti - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TĐL thể hiện: Công ty TNHH TĐL do ông thành lập vào năm 2007, ngành nghề kinh doanh là vận tải hành khách, lúc đầu Công ty chỉ có một thành viên sau đó năm 2014, bà Tống Thị T tham gia góp 32% vốn bằng tiền mặt, 68% số vốn còn lại do ông đóng góp. Thời điểm năm 2014, khi bà T tham gia là thành viên công ty, công ty chỉ kinh doanh vận tải hành khách một tuyến cố định La Tiến-Giáp Bát, sau đó ông muốn mở rộng kinh doanh thêm 02 tuyến cố định Hưng Yên-Yên Nghĩa và Hưng Yên-Vĩnh Yên, nên đã vay tiền tại Ngân hàng V tổng số tiền là 29.095.000.000đ. Việc kinh doanh vận tải hành khách tại hai tuyến mới do một mình ông tự kinh doanh, bà T không liên quan. Các khoản vay tại 06 Hợp đồng tín dụng đều thể hiện vào mục đích vay sử dụng vào việc kinh doanh của Công ty. Tài sản thế chấp các khoản vay tại V gồm bất động sản và xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty TNHH TĐL.

Thời gian đầu, ông đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần tiền gốc và tiền lãi cho V theo hợp đồng tín dụng, nhưng từ thời điểm 05/5/2017 do công ty gặp khó khăn trong kinh doanh nên không thanh toán được tiền gốc, tiền lãi khi đến hạn cho

Ngân hàng. Nay V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TĐL có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phạt chậm trả tổng là 27.929.494.012đ, ông chấp nhận trả Ngân hàng khoản tiền trên. Tuy nhiên, trong 06 hợp đồng tín dụng ký kết với V, ông cam kết tự chịu trách nhiệm đối với các khoản vay tại 04 hợp đồng tín dụng: số 231015-2355036-01-SME ngày 26/10/2016, số 071016-2355036-01-SME ngày 07/10/2016, số 161115-2355036-01-SME ngày 17/11/201502, số 161115-2355036-01-SME ngày 17/11/2015 và số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016, còn lại số tiền vay tại 02 hợp đồng tín dụng số 130516-2355036-02-SME ngày 18/5/2016 và số 130516-2355036-01-SME ngày 19/5/2016, bà T cũng phải có trách nhiệm trả nợ cho V cùng với ông vì số tiền vay tại 02 hợp đồng tín dụng này là để trả nợ tiền mua 05 xe ô tô SAMCO kinh doanh chung ở tuyến La Tiến-Giáp Bát

Lời khai bà T, ông C thể hiện: Năm 2014 bà T tham gia góp 32% vốn vào Công ty TĐL kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định La Tiến-Giáp Bát. Sau đó ông T vay tiền tại Ngân hàng V để mở rộng kinh doanh mở thêm hai tuyến cố định Hưng Yên-Yên Nghĩa và Hưng Yên-Vĩnh Yên, nhưng bà không tham gia hoạt động kinh doanh ở hai tuyến này, một mình ông T làm ăn riêng. Việc ông T mua bất động sản tại Đ, MK, TP. Hưng Yên đứng tên Công ty và thế chấp các tài sản trên tại Ngân hàng không liên quan đến bà T.

Tại 06 hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng V đều thể hiện mục đích vay tiền để sử dụng vào việc kinh doanh của Công ty, nhưng thực tế ông T sử dụng số tiền vay vào việc kinh doanh riêng của ông T. Ông T có cam kết riêng với bà T về việc ông T tự chịu trách nhiệm đối với các khoản vay tại Ngân hàng V.

Ngày 30/11/2017, giữa ông Nguyễn Xuân T đại diện cho Công ty TNHH TĐL và bà Tống Thị T đại diện cho Công ty cổ phần TCHM đã có biên bản làm việc với nội dung: Công ty TNHH TĐL ngừng khai thác tuyến La Tiến - Giát Bát và Công ty TCHTM thay thế Công ty TNHH TĐL khai thác tuyến vận tải trên. Đồng thời Công ty TCHTM chi trả cho Công ty TNHH TĐL tiền chi phí bù lỗ với số tiền 18.093.216.000đ. Số tiền thù lao bù lỗ trên sẽ được chi trả cho số vốn góp của bà Tống Thị T và ông Phạm Văn H tại Công ty TNHH TĐL, số tiền còn thừa sẽ được chi trả vào tiền ông T vay của ông C, bà và ông H.

Ngày 08/02/2018, bà T và ông T đã làm hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/2018/HĐCNV, theo đó toàn bộ cổ phần của bà T sẽ được chuyển lại cho ông T với giá chuyển nhượng 1.000đ, tại Điều 5 mục 5.4 đã ghi rõ: kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn mọi vướng mắc liên quan đến tài chính của Công ty TNHH TĐL trở về trước không có liên quan gì đến bà Tống Thị T. Do vậy, toàn bộ số tiền V yêu cầu Công ty TĐL phải trả, ông T phải tự chịu trách nhiệm, bà T không có trách nhiệm gì trong việc thanh toán các khoản vay của Công ty TĐL tại V.

Bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 299; Điều 323; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 1, 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV (V): Buộc Công ty TNHH TĐL có trách nhiệm thanh toán cho V số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm:

Tiền gốc: 17.911.589.312đ

Tiền lãi: 4.842.155.925đ

Phạt chậm trả: 748.652.340đ

Tổng: 23.502.397.577đ

Công ty TNHH TĐL có trách nhiệm thanh toán tiền gốc, tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH TĐL thanh toán hết khoản nợ cho V.

Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể gồm các tài sản sau:

Bất động sản và động sản tại các thửa đất số 667, 666, 664, 663, 324 tờ bản đồ số 07, địa chỉ: đường Đ, P.MK, TP. Hưng Yên, Hưng Yên đứng tên chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất: Công ty TNHH TĐL.

05 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY số loại HK29B, BKS: 89B-007.53; 89B-007.06; 89B-007.96; 89B-007.21 và 89B-007.71 tương ứng Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008734; 008728; 008737; 008729 và 008738 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/10/2015 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH TĐL.

Trường hợp tài sản thế chấp của Công ty TNHH TĐL không đủ để thanh toán khoản nợ thì V có quyền yêu cầu cá nhân ông T, bà T phải có nghĩa vụ bằng tài sản riêng thuộc sở hữu của mình thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH TĐL cho V theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2018, Công ty TNHH TĐL kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Ngày 19/9/2018 bà Tống Thị T kháng cáo với nội dung: Tuyên 02 hợp đồng bản lãnh số 061016-2355036-02-SME/HĐBL ngày 07/10/2016 và hợp đồng số 061016-2355036-01-SME/HĐBL ngày 06/12/2016 là hợp đồng vô hiệu.

Tuyên bà T không có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho ông T từ các hợp đồng tín dụng của Công ty TĐL với Ngân hàng V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét về lãi xuất và việc Ngân hàng TMCP VNTV thanh lý tài sản thế chấp thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

- Người được ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Ngân hàng TMCP VNTV rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt chậm trả 748.652.340 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm các phần yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần lãi phạt và tính lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn là Công ty TNHH TĐL, người có quyền lợi liên quan bà Tống Thị T kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định của pháp luật là hợp pháp, được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật: Từ tháng 11/2015 đến tháng 12/2016, Công ty TNHH TĐL do ông Nguyễn Xuân T là đại diện đã ký 06 hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP VNTV (V) tổng số tiền 29.095.000.000đ (tính trên các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ). Để đảm bảo các khoản vay trong 06 hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH TĐL và V còn có các Hợp đồng thế chấp tài sản theo đó Công ty TNHH đã thế chấp quyền sử dụng 05 thửa đất tại đường Đ, P.MK, TP. Hưng Yên, 10 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY và 05 xe ô tô nhãn hiệu SAMCO

FELIXSIK thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH TĐL. Ngoài ra, giữa V và ông Nguyễn Xuân T, bà Tống Thị T còn ký kết các hợp đồng bảo lãnh đối với các khoản vay của Công ty TĐL phát sinh từ các hợp đồng tín dụng. Do Công ty TNHH TĐL vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TĐL trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cùng yêu cầu bên bảo lãnh là ông Nguyễn Xuân T và bà Tống Thị T có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH TĐL tại V. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH TĐL, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

- Về hình thức: Hợp đồng tín dụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại 06 hợp đồng tín dụng số 130516-2355036-02-SME ngày 18/5/2016, số 130516-2355036-01-SME ngày 19/5/2016, số 071016-2355036-01-SME ngày 07/10/2016, số 231015-2355036-01-SME ngày 26/10/2016, số 161115-2355036-01-SME ngày 17/11/2015, số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016 thể hiện: Công ty TNHH TĐL vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV (V) với tổng số tiền là 29.095.000.000đ. Để đảm bảo các khoản vay tại V, Công ty TĐL đã thế chấp các tài sản là bất động sản và xe ô tô thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TĐL thể hiện tại các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh. Việc ký kết các hợp đồng giữa Công ty TNHH TĐL và Ngân hàng V được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản trong nội dung hợp đồng không trái các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, nên các bên tham gia ký kết có nghĩa vụ thực hiện.

Do Công ty TNHH TĐL đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận và không thanh toán tiền vay cho ngân hàng nên Ngân hàng V đã khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TĐL phải thanh toán nợ gốc và các khoản nợ lãi theo đúng các Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2018 với tổng số tiền gốc 17.911.589.312 đồng, lãi trong hạn 232.867.360 đồng, lãi quá hạn 4.609.288.565 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét kháng cáo về khoản lãi phạt chậm trả 748.652.340 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy: tại mục 14 của Hợp đồng tín dụng ghi: Thu nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn theo khoản 2 Phụ lục về các điều khoản chung đính kèm. Tại khoản 3 Điều 7 ghi: *Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả (X) số ngày chậm trả (X) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm)*. Theo điều khoản nêu trên thì các bên đã thỏa thuận cụ thể về mức lãi phạt là 150% lãi suất cho vay trong hạn là không thỏa đáng, bởi theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng của Ngân hàng Nhà nước và Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN sửa đổi bổ sung Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 thì đối với các khoản nợ vay không trả đúng hạn, việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật. Pháp luật không quy định cho áp dụng lãi phạt chậm trả độc lập với lãi quá hạn, mà chỉ cho phép áp dụng phạt chậm trả tương ứng với phạt vi phạm hợp đồng. Việc tính lãi phạt như phía Ngân hàng đồng nghĩa với việc Ngân hàng đã tính lãi chồng lãi trên cùng một khoản vay là không phù hợp quy định tại Điều 91của Luật các tổ chức tín dụng, không phù hợp với mục 5 phần nhận định của Án lệ số 11. Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH TĐL thanh toán các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là đúng, nhưng buộc Công ty TNHH TĐL phải thanh toán lãi phạt chậm trả 748.652.340 đồng là sai, nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận lãi phạt chậm trả và tính lại án phí sơ thẩm. Như vậy, số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 05/9/2018 Công ty TNHH TĐL phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng V là: tổng số tiền nợ gốc 17.911.589.312đ, lãi trong hạn 232.867.360đ, lãi quá hạn 4.609.288.565đ, tổng là 22.753.745.237đ. Kháng cáo không chấp nhận lãi phạt chậm trả của Công ty TNHH TĐL là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt chậm trả là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả.

- Xét kháng cáo về việc Ngân hàng V thanh lý tài sản của Công ty TNHH TĐL, Hội đồng xét xử, xét thấy: tại điểm g khoản 1 Điều 8 Hợp đồng tín dụng ghi: *Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ.* Và tại khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 8 Hợp đồng thế chấp xe Ô tô: *Bên Ngân hàng được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) xử lý Tài sản thế chấp…* và tại Điều 63 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 về giao dịch bảo đảm, theo các điều khoản nêu trên thì Ngân hàng có quyền được xử lý tài sản của Công ty TNHH TĐL để thu hồi nợ và khi xử lý tài sản Ngân hàng V đã thông báo cho Công ty TNHH

TĐL. Nên kháng cáo về việc thanh lý tài sản của Công ty TNHH TĐL không được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Tống Thị T về Hợp đồng bảo lãnh, Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Về hình thức: Hợp đồng bảo lãnh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại 02 Hợp đồng bảo lãnh số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016 và số 061016-2355036-02-SME/HĐBL ngày 07/10/2016 thể hiện bà Tống Thị T bão lãnh cho Hợp đồng tín dụng số 071016-2355036-01-SME ngày 07/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016 bên được bảo lãnh là Công ty TNHH TĐL. Việc ký kết hợp đồng bảo lãnh giữa bà Tống Thị T với Công ty TNHH TĐL và Ngân hàng V, tại thời điểm ký kết hợp đồng bà Tống Thị T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, các điều khoản trong nội dung hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, nên các bên tham gia ký kết có nghĩa vụ thực hiện. Tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh: *Các bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Bên ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang*....và tại khoản 4 Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh có nêu*: Bên bảo lãnh cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bên bảo lãnh hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh*....tại khoản 1 Điều 339 của Bộ luật dân sự năm 2015: *Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*… Nên kháng cáo đề nghị tuyên bố hợp đồng bảo lãnh vô hiệu của bà Tống Thị T không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được tính lại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH TĐL và bà Tống Thị T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 299; Điều 300; Điều 301; Điều 323; Điều 339; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 1, 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân nhân tối cao thông qua ngày 28/11/2017.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu đòi 748.652.340 đồng tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP VNTV (V) đối với Công ty TNHH TĐL.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Tống Thị T; Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH TĐL; Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với Công ty TNHH TĐL.

Buộc Công ty TNHH TĐL phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2018 là 22.753.745.237 đồng *(tiền gốc 17.911.589.312 đồng, lãi trong hạn 232.867.360 đồng, lãi quá hạn 4.609.288.565 đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2018, Công ty TNHH TĐL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại 06 hợp đồng tín dụng số 130516-2355036-02-SME ngày 18/5/2016, số 130516-2355036-01-SME ngày 19/5/2016, số 071016-2355036-01-SME ngày 07/10/2016, số 231015-2355036-01-SME ngày 26/10/2015, số 161115-2355036-01-SME ngày 17/11/2015, số 061216-2355036-01-SME ngày 06/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngân hàng TMCP VNTV có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể gồm các tài sản sau:

- Bất động sản và động sản tại các thửa đất số 667, 666, 664, 663, 324 tờ bản đồ số 07, địa chỉ: đường Đ, phường MK, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đứng tên chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất: Công ty TNHH TĐL.

- 05 xe ô tô nhãn hiệu COUNTY số loại HK29B, BKS: 89B-007.53; 89B-007.06; 89B-007.96; 89B-007.21 và 89B-007.71 tương ứng Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008734; 008728; 008737; 008729 và 008738 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/10/2015 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH TĐL.

Trường hợp tài sản thế chấp của Công ty TNHH TĐL không đủ để thanh toán

khoản nợ thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Xuân T, bà Tống Thị T phải có nghĩa vụ bằng tài sản riêng thuộc sở hữu của mình thanh toán các khoản nợ của công ty TNHH TĐL cho Ngân hàng TMCP VNTV theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh.

3. Về án phí:

* Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH TĐL phải chịu 130.753.745 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 68.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp, theo biên lai thu tiền số 008973 ngày 22 tháng 03 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

* Án phí phúc thẩm:

- Công ty TNHH TĐL không phải chịu án phí phúc thẩm Kinh doanh thương mại. Trả lại Công ty TNHH TĐL 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000100 ngày 27 tháng 9 năm 2018 và 1.700.000 đồng theo biên lai số 0000152 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

- Bà Tống Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm Kinh doanh thương mại. Trả lại bà Tống Thị T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000104 ngày 20/9/2018 và 1.700.000 đồng theo biên lai số 0000117 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦTỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Kim Anh **Trần Đình Hiền** **Nguyễn Văn Biểu**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, THC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Biểu